

Số: 371 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 18 tháng 02 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
**Phê duyệt Điều lệ Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin
huyện Hớn Quản**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1627/QĐ-UB ngày 13/7/2010 của UBND tỉnh về việc cho phép thành lập Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin huyện Hớn Quản;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 169/TTr-SNV ngày 28/01/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Điều lệ Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin huyện Hớn Quản đã được Đại hội đại biểu Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin huyện Hớn Quản khóa II, nhiệm kỳ 2015-2020 thông qua ngày 16/12/2015.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin tỉnh Bình Phước, Chủ tịch UBND huyện Hớn Quản, Chủ tịch Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin huyện Hớn Quản, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- LDVP;
- Sở Nội vụ: 02 bản;
- Lưu: VT, P: NC.(H-TCBC12) 7c



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Trâm

ĐIỀU LỆ

**Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin huyện Hớn Quản
khóa II, nhiệm kỳ 2015-2020**

*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số: 37A /QĐ-UBND
ngày 18 /02/2016 của UBND tỉnh Bình Phước)*

Chương I

TÊN GỌI, TÔN CHỈ VÀ MỤC ĐÍCH CỦA HỘI

Điều 1. Tên gọi và trụ sở làm việc

1. Tên gọi: Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin huyện Hớn Quản.
2. Trụ sở làm việc: Khu hành chính huyện Hớn Quản – Quốc lộ 13, xã Tân Khai, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin huyện Hớn Quản (dưới đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội có tính chất đặc thù, Hội đoàn kết, tập hợp các nạn nhân bị ảnh hưởng của chất độc hóa học và cụ thể là chất độc da cam/Dioxin do các công ty Mỹ sản xuất và quân đội Mỹ sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam và các tầng lớp nhân dân trong và ngoài tỉnh, tự nguyện tham gia khắc phục hậu quả của chất độc da cam/Dioxin, nhằm góp phần vào sự nghiệp phát triển đất nước, vì mục tiêu “*Dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh*”, vì lợi ích của nạn nhân chất độc da cam.

Hội hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và theo nội dung Điều lệ này.

Điều 3. Phạm vi hoạt động.

1. Hội hoạt động trên địa bàn huyện Hớn Quản.
2. Hội có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật. Biểu tượng Hội giống biểu tượng của Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin Việt Nam.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 4. Hội có chức năng

1. Tuyên truyền vận động các tầng lớp xã hội phát huy truyền thống đạo lý của dân tộc “*Thương người như thể thương thân*” đùm bọc, yêu thương, giúp đỡ nhau về tinh thần, vật chất để các nạn nhân chất độc da cam trên địa bàn tỉnh vượt qua những đau đớn về thể xác, giảm bớt được những khó khăn trong cuộc

sống, khuyến khích nhau chiến thắng bệnh tật, cùng nhau nuôi dưỡng tinh thần lạc quan, có ý chí để tiếp tục lao động cống hiến cho xã hội.

2. Bảo vệ quyền lợi của các nạn nhân chất độc da cam trên địa bàn huyện.

3. Đại diện cho các nạn nhân chất độc da cam trên địa bàn huyện trong quan hệ với các cơ quan, tổ chức trong và ngoài huyện. Tham gia với Hội nạn nhân chất độc da cam Việt Nam trong đấu tranh buộc Mỹ phải chịu trách nhiệm khắc phục hậu quả chất độc hóa học do họ gây ra.

4. Thay mặt các nạn nhân tham gia các Hội nghị, Hội thảo, diễn đàn Quốc tế để bảo vệ quyền lợi các nạn nhân chất độc da cam khi có yêu cầu.

Điều 5. Nhiệm vụ của Hội

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội và Điều lệ Hội. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết, động viên các nạn nhân chất độc da cam trên địa bàn huyện khắc phục khó khăn, phát huy khả năng tham gia các hoạt động xã hội hòa nhập cộng đồng, chấp hành pháp luật của Nhà nước.

3. Giáo dục, động viên nạn nhân chất độc da cam phấn đấu vươn lên, tổ chức chăm lo, giúp đỡ lẫn nhau và thực hiện nghĩa vụ, đảm bảo quyền lợi của công dân, góp phần xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

4. Tuyên truyền, tổ chức các hoạt động và vận động sự đóng góp của các cá nhân, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, nghề nghiệp trong và ngoài huyện... trợ giúp về vật chất, tinh thần để cùng với Nhà nước tạo điều kiện cho những nạn nhân chất độc da cam cải thiện đời sống, hòa nhập cộng đồng, đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động của Hội.

5. Huy động mọi tiềm năng của xã hội, của các nhà hảo tâm trong và ngoài huyện tạo điều kiện giúp đỡ để những nạn nhân chất độc da cam và gia đình hòa nhập cộng đồng, xã hội.

6. Đề xuất và kiến nghị với Nhà nước ban hành bổ sung, sửa đổi cơ chế chính sách liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của nạn nhân chất độc da cam.

7. Tranh thủ nguồn tài trợ, giúp đỡ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài huyện trong lĩnh vực hoạt động nhân đạo giúp đỡ cho những nạn nhân chất độc da cam, trao đổi kinh nghiệm về hoạt động của Hội phù hợp với pháp luật của Nhà nước vì lợi ích của nạn nhân chất độc da cam.

8. Trước khi tổ chức Đại hội nhiệm kỳ 30 ngày, Ban lãnh đạo Hội phải có văn bản báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ).

9. Hàng năm, Hội phải báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của Hội về UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) và Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chậm nhất vào ngày 01 tháng 12 hàng năm.

10. Chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc tuân thủ pháp luật.

11. Lập và lưu giữ tại trụ sở Hội danh sách hội viên, chi hội, văn phòng đại diện và các đơn vị trực thuộc Hội (nếu có), sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính của Hội và văn phòng đại diện, biên bản các cuộc họp Ban lãnh đạo Hội.

12. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của hội.

Điều 6. Quyền hạn của Hội

1. Được tuyên truyền mục đích của Hội.

2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.

3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Hội, hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội.

4. Tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; hòa giải tranh chấp trong nội bộ Hội.

5. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên; cung cấp thông tin cần thiết cho hội viên theo quy định của pháp luật.

6. Được thành lập pháp nhân thuộc hội theo quy định của pháp luật.

7. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

8. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động có gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.

9. Được quyền tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Hội.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 7. Tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên chính thức: là công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, những nạn nhân bị ảnh hưởng của chất độc da cam do các Công ty Mỹ sản xuất và quân đội Mỹ sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam và các cá nhân, tập thể hiện đang sinh sống, học tập, công tác trên địa huyện Hớn Quản, không trong thời gian xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thi hành án phạt tù, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, được Hội xem xét công nhận là hội viên chính thức.

2. Hội viên danh dự: là công dân, tổ chức Việt Nam không có điều kiện hoặc không có đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức của Hội, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện xin vào Hội, được Hội công nhận là hội viên danh dự.

3. Hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức của Hội, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và không được bầu cử, ứng cử vào Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 8. Quyền của hội viên

1. Được tham gia sinh hoạt tại tổ chức Hội mà mình tham gia.
2. Được ứng cử, đề cử vào cơ quan lãnh đạo của Hội, được thảo luận và biểu quyết các công việc của Hội.
3. Được hỗ trợ, giúp đỡ theo khả năng của Hội, được bảo vệ khi các quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm hại.
4. Được đề xuất, góp ý kiến và đề nghị Hội kiến nghị với các cơ quan hữu quan về các vấn đề mà mình quan tâm.
5. Được thiết lập và tổ chức thực hiện các chương trình nhân đạo phù hợp với chương trình nhân đạo của Hội và Điều lệ Hội .

Điều 9. Nghĩa vụ của hội viên

1. Tham gia sinh hoạt tại tổ chức của Hội ở địa phương, đơn vị mình công tác và sinh sống.
2. Chấp hành Điều lệ Hội, nghị quyết đại hội và các quyết định khác của Hội.
3. Tham gia các hoạt động và hoàn thành tốt nhiệm vụ được Hội phân công.
4. Đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để cùng phấn đấu thực hiện mục đích của Hội. Tham gia đóng góp vào việc tuyên truyền, vận động và phát triển Hội.

Chương IV

NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

Điều 10. Nguyên tắc hoạt động của Hội

1. Tự nguyện, tự quản và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.
2. Đoàn kết, tương trợ và hợp tác bình đẳng.
3. Dân chủ bàn bạc và quyết định tập thể.
4. Từ thiện, nhân đạo vì cộng đồng.
5. Công khai, minh bạch.
6. Không vì mục đích lợi nhuận.

Điều 11. Tổ chức Hội

1. Đại hội đại biểu hoặc Đại hội toàn thể hội viên.
2. Ban Chấp hành Hội.

3. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Hội.
4. Ban Kiểm tra.
5. Thư ký hội.
6. Văn phòng Hội.
7. Các tổ chức trực thuộc Hội (nếu có).

Điều 12. Đại hội của Hội

1. Đại hội toàn thể hội viên hoặc Đại hội đại biểu có quyền lực cao nhất Hội, được tổ chức 05 năm 01 lần do Ban Chấp hành đương nhiệm triệu tập. Đại hội bầu ra cơ quan lãnh đạo là Ban Chấp hành Hội. Trường hợp cần thiết được 2/3 hội viên đề nghị có thể tổ chức Đại hội giữa nhiệm kỳ.

2. Nhiệm vụ của Đại hội:

- a) Thảo luận và thông qua báo cáo của Hội;
- b) Quyết định phương hướng, nhiệm vụ, chương trình hoạt động của Hội và các tổ chức thành viên của Hội (nếu có);
- c) Thông qua báo cáo tài chính Hội và Điều lệ Hội;
- d) Thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng của Hội;
- đ) Bầu Ban Chấp hành Hội nhiệm kỳ mới;
- e) Thảo luận và thông qua Nghị quyết của Đại hội;
- g) Bầu đại biểu đi dự Đại hội cấp trên (nếu có).

3. Nguyên tắc bầu cử và biểu quyết:

- a) Việc bầu cử Ban Chấp hành Hội theo phương pháp biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín;
- b) Đại hội biểu quyết theo nguyên tắc đa số đại biểu có mặt.

4. Điều kiện tiến hành Đại hội phải có ít nhất 2/3 số đại biểu được triệu tập có mặt.

Điều 13. Cơ quan lãnh đạo của Hội

1. Ban Chấp hành Hội: Là cơ quan lãnh đạo Hội giữa hai kỳ đại hội. Ban Chấp hành do Đại hội đại biểu hoặc Đại hội toàn thể hội viên bầu ra và Ban Chấp hành Hội họp 06 tháng 01 lần, họp bất thường khi cần thiết (số lượng uỷ viên Ban Chấp hành nhiệm kỳ mới của Hội do đại hội quyết định).

** Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành*

- a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết của đại hội;
- b) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác, kế hoạch thu chi tài chính hàng năm;

c) Quyết định các vấn đề tổ chức Hội; Quyết định bổ sung ủy viên Ban Chấp hành Hội (số lượng bổ sung ủy viên Ban Chấp hành không quá 1/3 số ủy viên do Đại hội bầu ra);

d) Bầu ra Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Hội;

đ) Giám sát công việc của Ban Thường vụ, Ban Thường trực và các tổ chức trực thuộc Hội (nếu có);

e) Triệu tập Đại hội hoặc Hội nghị;

g) Xem xét quyết định tư cách hội viên;

2. Ban Thường vụ do Ban Chấp hành bầu ra, gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng thư ký hoặc thư ký và một số ủy viên. Ban Thường vụ thay mặt Ban Chấp hành tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn mọi mặt công tác Hội thường xuyên giữa hai kỳ đại hội và chuẩn bị báo cáo kiểm điểm công tác trong các kỳ họp của Ban Chấp hành Hội, quyết định triệu tập các cuộc họp của Ban Chấp hành. Ban Thường vụ họp thường kỳ 03 tháng 01 lần, họp bất thường khi cần thiết.

Ban Thường vụ Hội hoạt động theo quy chế được Ban chấp hành Hội thông qua.

3. Ban Thường trực, gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thư ký của Hội. Ban Thường trực Hội chỉ đạo, điều hành hoạt động thường xuyên theo Nghị quyết của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và theo hướng dẫn của các cơ quan cấp trên có thẩm quyền.

Điều 14. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thư ký Hội

1. Chủ tịch Hội là người đại diện pháp nhân cao nhất của Hội chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành Hội; Trước cấp ủy và UBND cùng cấp và trước pháp luật về chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội.

Chủ tịch Hội có nhiệm vụ:

a) Tổ chức triển khai các Nghị quyết của Đại hội và các Quyết định của Ban Chấp hành Hội và của cấp trên;

b) Triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Chấp hành Hội.

2. Các Phó Chủ tịch Hội là người giúp Chủ tịch Hội thực hiện theo Quy chế của Ban Chấp hành Hội; các Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tịch Hội, Phó Chủ tịch Thường trực điều hành công việc của Hội thay Chủ tịch khi Chủ tịch đi vắng ủy quyền.

3. Thư ký Hội do Ban Chấp hành bầu ra, có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Đại diện và điều hành công việc thường xuyên của Hội theo yêu cầu của Ban Chấp hành và Chủ tịch Hội;

b) Quản lý hồ sơ, tài liệu của Hội;

c) Xây dựng các quy chế hoạt động của văn phòng, quản lý tài chính, tài sản của Hội trình Ban Chấp hành phê duyệt;

d) Định kỳ báo cáo với Chủ tịch, Ban Chấp hành về các hoạt động của Hội;

đ) Soạn thảo các báo cáo hàng năm, báo cáo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành;

e) Quản lý danh sách, hồ sơ và các tài liệu về các tổ chức trực thuộc Hội (nếu có) và hội viên;

g) Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành và pháp luật về các hoạt động của Văn phòng Hội.

Điều 15. Văn phòng Hội

1. Văn phòng Hội hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành phê duyệt.

2. Tổ chức bộ máy của Văn phòng Hội do Ban Chấp hành quyết định.

3. Kinh phí hoạt động hàng năm của Văn phòng do Thư ký dự trù trình Ban Chấp hành phê duyệt và hội nghị toàn thể hàng năm biểu quyết phê chuẩn.

Điều 16. Ban Kiểm tra của Hội

1. Ban Kiểm tra do Đại hội bầu ra và chịu sự lãnh đạo của Ban Chấp hành. Làm việc theo chế độ tập thể, họp 06 tháng 01 lần, khi cần thiết có thể họp bất thường.

Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng cấp.

2. Nhiệm vụ của Ban Kiểm tra

a) Giám sát việc thi hành Điều lệ của Hội cấp trên, quy chế của Hội cùng cấp và cấp dưới. Giám sát việc thi hành nghị quyết đại hội và nghị quyết của Ban Chấp hành;

b) Kiểm tra việc thu, chi tài chính, sử dụng tài sản của Hội và tài sản của các tổ chức trong và ngoài tỉnh tài trợ;

c) Xem xét và kiến nghị giải quyết, khiếu nại, tố cáo của hội viên, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của hội viên;

d) Kiểm tra việc thi hành kỷ luật của các tổ chức trực thuộc;

đ) Thực hiện sự ủy nhiệm của Ban Thường vụ và Ban Chấp hành trong việc kiểm tra các ủy viên Ban Chấp hành cùng cấp;

e) Kiểm tra ủy viên Ban Chấp hành cùng cấp có sai phạm, có đơn thư tố cáo khi được sự ủy nhiệm của Ban Thường vụ Hội cấp đó;

g) Giải quyết những tố cáo đối với hội viên, xử lý kịp thời sai phạm (nếu có).

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT;

ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 17. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN CỦA HỘI

Điều 18. Tài chính của Hội

1. Các nguồn thu của Hội

- a) Thu từ các tổ chức trực thuộc Hội (nếu có);
- b) Từ ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định của pháp luật (nếu có);
- c) Hội phí do hội viên đóng;
- d) Đóng góp, ủng hộ của hội viên, các thành viên;
- đ) Thu từ hoạt động vận động quyên góp, gây quỹ hợp pháp của Hội theo quy định của pháp luật;
- e) Tiền và hiện vật ủng hộ của các tổ chức cá nhân trong và ngoài tỉnh theo quy định của pháp luật (nếu có).

2. Các khoản chi của Hội

- a) Chủ yếu chi cho các hoạt động trợ giúp nạn nhân chất độc da cam/Doxin;
- b) Chi cho công tác tuyên truyền;
- c) Chi cho các hoạt động của Hội;
- d) Chi khen thưởng cho những hội viên có nhiều đóng góp trong công tác Hội.

3. Tài sản của Hội: Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài huyện hiến, tặng theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ (nếu có).

Điều 19. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.
2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.
3. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VII

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 20. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 21. Kỷ luật

1. Tổ chức Hội, hội viên vi phạm Điều lệ, nghị quyết của Hội hoặc làm tổn thương đến uy tín, danh dự, tài sản, tài chính của Hội thì tùy theo mức độ sai phạm có thể bị phê bình, cảnh cáo, không công nhận là hội viên

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Thể thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải được Đại hội nhất trí thông qua và được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt mới có hiệu lực thi hành.

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Những vấn đề liên quan đến hoạt động của Hội chưa được quy định trong Điều lệ này thì được căn cứ vào những quy định tại Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác hướng dẫn thi hành.

2. Bản Điều lệ này đã được Đại hội khoá II, nhiệm kỳ 2015- 2020 thông qua ngày 16/12/2015 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

3. Bản Điều lệ này không còn hiệu lực khi Hội ngừng hoạt động hoặc giải thể.

4. Chủ tịch Hội có trách nhiệm tổ chức triển khai nội dung bản Điều lệ này đến tất cả hội viên của Hội./.

CHỦ TỊCH

